

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2024/DS-ST**

Ngày: **24 – 04 – 2024.**

“V/v: Tranh chấp về hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Luyến và ông Lưu Xuân Vĩnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thuyền D, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn C, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: chị Phạm Thị Kim H, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, lời khai, ý kiến trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D trình bày:

Vào năm 2022, bị đơn chị Phạm Thị Kim H có tham gia chơi 03 chân hội trong 03 tổ hội do nguyên đơn chị D làm chủ hội, trong đó gồm 02 chân hội trong 02 tổ hội có mức hội 5.000.000đồng/tháng và 01 chân hội trong tổ hội có mức hội 3.000.000đồng/tháng. Sau đó chị H đã lĩnh 03 chân hội này. Do thời gian đã lâu, đến nay các tổ hội cũng đã mãn, chị D không còn lưu giữ giấy tờ, tài liệu liên quan đến các tổ hội này nên hiện nay chị D không nhớ thời điểm bắt đầu tổ hội, thời điểm mãn hội,

tổng số chân hụi trong từng tổ hụi, thời điểm chị H lĩnh hụi và số tiền chị H lĩnh hụi. Sau khi lĩnh hụi, chị H không đóng tiền hụi chết cho D; chị D đã phải đóng hụi thay cho chị H để duy trì tổ hụi. Đến ngày 30/12/2023, chị D và chị H chốt nợ, thống nhất chị H còn nợ chị D 75.000.000đồng tiền hụi trong 03 tổ hụi nêu trên; đồng thời chị H viết giấy ghi nhận việc chốt nợ này, chính là giấy chị D cung cấp trong hồ sơ vụ án, toàn bộ chữ viết, chữ ký trong giấy này là chữ của chị H. Từ đó đến nay, mặc dù chị D đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị H vẫn không trả tiền hụi.

Chị D đã ly hôn cách đây 10 năm, hiện nay vẫn chưa kết hôn. Tiền hụi chị D đóng thay cho chị H là tài sản của cá nhân của chị D.

Vì vậy, hiện nay chị D yêu cầu chị H phải trả cho chị D 75.000.000đồng tiền nợ hụi là và tiền lãi tính từ ngày 30/12/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất theo quy định của Pháp luật. Ngoài ra chị D không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

[2]. Theo lấy lời, ý kiến trong quá trình tố tụng, bị đơn **chị Phạm Thị Kim H** trình bày:

Vào năm 2022, bị đơn chị H có tham gia chơi 03 chân hụi trong 03 tổ hụi do nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thuyên D** làm chủ hụi; trong đó gồm 02 chân hụi trong 02 tổ hụi có mức hụi 5.000.000đồng/tháng và 01 chân hụi trong tổ hụi có mức hụi 3.000.000đồng/tháng. Chị H đã lĩnh cả ba chân hụi này và còn nợ chị D 75.000.000đồng tiền hụi chưa thanh toán. Đến ngày 30/12/2023, hai bên chốt nợ, chị H viết giấy chốt nợ, xác nhận còn nợ chị D 75.000.000đồng tiền hụi. Số tiền nợ hụi này là nợ của cá nhân chị H, không liên quan đến nghĩa vụ của vợ chồng. Toàn bộ số tiền lĩnh hụi này chị H đã giao cho bà **Võ Thị A** vay; hiện nay bà A vẫn chưa trả tiền vay này cho chị H; do đó chị H không chấp nhận trả 75.000.000đồng tiền nợ hụi này cho chị D; khi nào bà A trả tiền vay cho chị H thì chị H mới chấp nhận trả số tiền này cho chị D. Ngoài ra chị H không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 tờ giấy kẻ ô li (loại giấy vở học sinh), có chữ viết tay bằng mực màu xanh trên 01 trang giấy; trong đó có ghi ngày 30/12/2023 và dòng dưới cùng có 01 chữ ký ghi tên **Phạm Thị Kim H**.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thuyền D: buộc chị Phạm Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thuyền D 75.000.000đồng tiền hui và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/12/2023 cho đến nay với mức lãi suất theo quy định của Pháp luật; buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Phạm Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do; đại diện Viện kiểm sát nhân huyện T, tỉnh Bình Thuận đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Trong vụ án, chỉ có yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D, yêu cầu giải quyết buộc bị đơn chị Phạm Thị Kim H phải trả tiền hui và tiền lãi phát sinh; ngoài ra, vụ án không có yêu cầu nào khác của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hui*” căn cứ theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015 là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D về việc buộc bị đơn chị Phạm Thị Kim H trả 75.000.000đồng tiền hui còn nợ; Hội đồng xét xử nhận định:*

Nguyên đơn chị D đã cung cấp 01 tờ giấy kê ô ly, có chữ viết tay bằng mực màu xanh, ghi ngày 30/12/2023, phía dưới cùng có 01 chữ ký ghi tên Phạm Thị Kim H; bị đơn chị H thừa nhận toàn bộ chữ viết, chữ ký trong tài liệu này là chữ của chị H; do đó tài liệu nêu trên là chứng cứ hợp pháp theo quy định tại các Điều 93, 94, 95 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tài liệu nêu trên thể hiện nội dung: chị H có lĩnh 03 dây hui với tổng số

tiền là 75.000.000đồng, đến nay chị **H** chưa trả chị **D** số tiền này. Hơn nữa, trong quá trình tố tụng, các đương sự đều thống nhất thừa nhận nội dung nêu trên; đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó có đủ cơ sở xác định được: trước đây chị **H** có tham gia chơi 03 chẵn hụi trong 03 tổ hụi do chị **D** làm chủ hụi, chị **H** đã lĩnh hụi và đến nay còn nợ chị **D** 75.000.000đồng tiền hụi chưa thanh toán. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn chị **D** về việc trả tiền hụi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015, các điểm a, c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 16, các điểm a, b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ nên cần chấp nhận. Do đó cần xử buộc chị **H** có nghĩa vụ trả cho chị **D** 75.000.000đồng tiền hụi.

[3.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D về việc buộc bị đơn chị Phạm Thị Kim H trả tiền lãi trên số tiền hụi 75.000.000đồng tính từ ngày 30/12/2023 đến nay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

Theo giấy chốt nợ ghi ngày 30/12/2023 mà nguyên đơn chị **D** đã cung cấp và theo lời khai thống nhất của các đương sự, thể hiện: đến thời điểm ngày 30/12/2023 các tổ hụi chị **H** tham gia chơi đã mãn, tại thời điểm ngày 30/12/2023 chị **H** có nợ chị **D** 75.000.000đồng tiền hụi và đến nay chưa trả. Do đó căn cứ xác định thời điểm bị đơn chị **H** chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi là từ ngày 30/12/2023. Căn cứ theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: bị đơn chị **H** có nghĩa vụ trả cho chị **D** tiền lãi trên số tiền chậm trả 75.000.000đồng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là không quá 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 30/12/2023 cho đến nay là 03 tháng 24 ngày; theo đó, tiền lãi được tính như sau: $75.000.000\text{đồng} \times (03 + 24/30)\text{tháng} \times 10\%/năm : 12\text{ tháng} = 2.375.000\text{đồng}$.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn chị **D** về việc trả tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận. Do đó cần xử buộc bị đơn chị **H** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị **D** 2.375.000đồng tiền lãi.

[4] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D được chấp nhận toàn bộ. Vì vậy cần căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 ghi quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: xử buộc chị Phạm Thị Kim H có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án; trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho chị Nguyễn Thị Thuyền D.

[5] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị giải

quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 357, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015.
- Các điểm a, c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 16, các điểm a, b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ.
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của **chị Nguyễn Thị Thuyền D**: buộc **chị Phạm Thị Kim H** có nghĩa vụ trả cho **chị Nguyễn Thị Thuyền D** tổng số tiền là **77.375.000đồng (Bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)**, trong đó gồm **75.000.000đồng** tiền hụi và **2.375.000đồng** tiền lãi.

[2]. Về án phí: buộc **chị Phạm Thị Kim H** có nghĩa vụ chịu **3.869.000đồng** án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho **chị Nguyễn Thị Thuyền D** **1.875.000đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **0005622**, ngày **08/01/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

[3]. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

- Nơi nhận:*
- VKSND huyện Tánh Linh;
 - Các đương sự;
 - CC THADS h.Tánh Linh;
 - Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Khánh